

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non,
phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp;

Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Thông báo số 679-TB/TU ngày 04/8/2026 của Tỉnh ủy về ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án tổng thể sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 159/TTr-SGDĐT ngày 05/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (có Phương án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ

**Sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên,
giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Phần thứ nhất

CƠ SỞ PHÁP LÝ SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 123/2025/QH15;
- Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;
- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
- Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.
- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

- Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Công văn số 59/CV-BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị”;

- Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

- Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

- Công văn số 8150/BNV-TCBC ngày 18/9/2025 của Bộ Nội vụ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW;

- Công văn số 6165/BGDĐT-GDPT ngày 02/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp;

- Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đổi mới với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập;

- Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp.

- Công văn số 4291/BGDĐT-GDPT ngày 08/7/2026 về việc hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục theo Nghị quyết số 180/NQ-CP của Chính phủ;

- Công văn số 4319/BGDĐT-GDPT ngày 09/7/2026 về việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về giáo dục và đào tạo theo Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW và Nghị quyết số 180/NQ-CP.

II. VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TỈNH

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Nghị quyết số 832/NQ-HĐND ngày 25/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 23/10/2025 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Kết luận số 03-KL/TU ngày 20/11/2025 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khoá I, nhiệm kỳ 2025-2030 về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức hành chính thuộc sở, ban, ngành giai đoạn 2025-2030;

- Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 16/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức hành chính thuộc sở, ban, ngành giai đoạn 2025-2030;

- Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phân loại đơn vị hành chính cấp xã đạt loại III trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phân loại đơn vị hành chính cấp xã đạt loại II trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Quyết định số 1817/QĐ-BGDDT về việc sáp nhập Trường Trung cấp Nông nghiệp Thái Bình và Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên vào Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình và đổi tên thành Trường Cao đẳng Hưng Yên;

- Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Công văn số 4378/UBND-KGVX ngày 10/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hoàn thiện Đề án sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục tỉnh Hưng Yên;

- Công văn số 4430/UBND-KGVX ngày 11/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Phần thứ hai
THỰC TRẠNG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG,
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN

I. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH

Toàn tỉnh hiện có 1.163 cơ sở giáo dục công lập, trong đó, giáo dục mầm non 446 trường, giáo dục phổ thông 693 trường, 20 trung tâm GDNN-GDTX, 03 trường trung cấp, cụ thể:

1. Giáo dục mầm non

Toàn tỉnh có 446 cơ sở giáo dục mầm non công lập với tổng số 5.547 nhóm, lớp. Số trẻ mầm non đến trường là 152.422/199.647, đạt tỷ lệ 76,3%, trong đó: trẻ nhà trẻ là 35.023/81.772, đạt tỷ lệ 42,8%; trẻ mẫu giáo là 117.399/117.875, đạt tỷ lệ 99,6%.

Qua rà soát, hiện có 45 cơ sở có quy mô dưới mức tối thiểu¹, chiếm tỷ lệ 10%; 224 cơ sở có quy mô từ 10 đến 15 nhóm, chiếm tỷ lệ 50%.

2. Giáo dục phổ thông

Toàn tỉnh có 693 cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có 197 trường TH; 187 trường THCS; 254 trường TH&THCS; 54 trường THPT; 01 trường THCS&THPT) với 548.862 học sinh, 20.512 lớp (có 247.671 học sinh Tiểu học với 7.289 lớp; 216.805 học sinh THCS với 5.368 lớp; 84.386 học sinh THPT với 1.885 lớp).

Qua rà soát, hiện có 09 trường Tiểu học có quy mô dưới mức tối thiểu², chiếm tỷ lệ 4,8% và 106 trường Tiểu học có quy mô 10 - 20 lớp, chiếm tỷ lệ 53,8%; 01 trường THCS có quy mô dưới mức tối thiểu³, chiếm tỷ lệ 0,5% và 155 trường THCS có quy mô 9 - 20 lớp, chiếm tỷ lệ 83,3%; 09 trường liên cấp TH và THCS có quy mô dưới mức tối thiểu⁴, chiếm tỷ lệ 3,5% và 116 trường liên cấp TH và THCS có quy mô 10 - 20 lớp, chiếm tỷ lệ 45,5%; 53 trường THPT có quy mô trên 20 lớp, chiếm tỷ lệ 100%.

Hiện tại, nhu cầu về chỗ học cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh đang có xu hướng gia tăng. Mạng lưới các trường đã cơ bản đáp ứng được quy định các xã, phường lân cận có từ 3 đến 5 vạn dân có 01 trường THPT công lập, nhằm đảm bảo chỗ học cho con em Nhân dân trên địa bàn theo quy định. Bên cạnh đó, về cơ bản 100% trường THPT công lập đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện về quy mô số lớp, số học sinh theo quy định. Trung bình toàn tỉnh là 34,2 lớp/trường, 44,1 học sinh/lớp.

3. Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên

¹ Trường mầm non phải có quy mô tối thiểu 09 nhóm, lớp.

² Trường TH phải có quy mô tối thiểu 10 lớp.

³ Trường THCS phải có quy mô tối thiểu 08 lớp.

⁴ Trường phổ thông có nhiều cấp học phải đạt quy mô tối thiểu 09 lớp

(Quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT).

Tại thời điểm 01/7/2025, toàn tỉnh có 20 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Từ thời điểm ngày 01/7/2025 đến nay đã thực hiện sáp nhập giảm 02 Trung tâm; hiện nay có 18 trung tâm với 373 lớp, 19.086 học sinh.

4. Trường trung cấp, trường chuyên biệt

Tại thời điểm 01/7/2025, toàn tỉnh có 03 trường trung cấp gồm: Trường Trung cấp Giao thông vận tải thuộc Sở Xây dựng; Trường Trung cấp Nông nghiệp Thái Bình thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trường Trung cấp cho Người khuyết tật Thái Bình và 01 Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo với tổng số học sinh, sinh viên, học viên là 1.203 người.

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

- Tổng số biên chế được tạm giao năm 2026: 42.169 biên chế, trong đó: cán bộ quản lý 3.165 người, giáo viên 36.899 người, nhân viên 2.105 người.

- Tổng số người làm việc hiện có mặt: 38.061 người, trong đó: cán bộ quản lý 2.978 người, giáo viên 33.147 người, nhân viên 1.936 người; chia theo cấp học: cấp học mầm non có 9.668 giáo viên; cấp học Phổ thông có 22.900 giáo viên (trong đó, cấp học Tiểu học có 10.317 giáo viên, cấp học THCS có 9.074 giáo viên, cấp học THPT có 3.509 giáo viên); GDTX có 724 giáo viên.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Mầm non đạt chuẩn trở lên đạt 99,6% (trên chuẩn 69,5%); Tiểu học đạt chuẩn trở lên đạt 91,8% (trên chuẩn 0,7%); Trung học cơ sở đạt chuẩn trở lên đạt 95,9% (trên chuẩn 2,7%); THPT đạt chuẩn trở lên đạt 100% (trên chuẩn 26%); GDTX đạt chuẩn 100% (trên chuẩn 10%).

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các trường trung cấp là 317 người, trong đó số cán bộ quản lý là 41 người, đội ngũ nhà giáo là 276 người.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC; KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Hiện nay, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh có 22.328 phòng học, trong đó 21.564 phòng học kiên cố, chiếm 97% tổng số phòng học, góp phần bảo đảm điều kiện tổ chức dạy học ổn định, an toàn cho học sinh. Trong đó: Các trường Mầm non có 5.457 phòng học, Tiểu học có 4.401 phòng học, THCS có 3.188 phòng học, TH và THCS có 5.949, THPT có 1995 phòng học, THCS và THPT có 42 phòng học, GDNN-GDTX có 422 phòng học.

Tổng diện tích đất của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông khoảng 13.212.754 m². Trong đó các trường mầm non có khoảng 3.463.476m²; Tiểu học có 1.696.661m², THCS có 2.970.317m², TH và THCS có 3.665.005 m², THPT có 1.240.363m², GDTX có 134.570m².

Tỷ lệ đáp ứng trang thiết bị dạy học tối thiểu đạt khoảng 53.3%. Trong đó: Mầm non đạt khoảng 73%, Tiểu học đạt khoảng 42%, THCS đạt khoảng 65%, THPT đạt khoảng 63%, GDNH-GDTX đạt khoảng 24%.

Cơ sở vật chất các trường trung cấp (công lập) gồm: Tổng diện tích đất là 208.007 m², 58 phòng học lý thuyết, 28 phòng thực hành, 09 giảng đường, 08 hội trường, 55 phòng làm việc nhà hiệu bộ, 36 phòng chuẩn bị và phòng nghỉ cho giáo viên, 45 phòng Kí túc xá và một số cơ sở vật chất khác.

2. Kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia

Toàn tỉnh công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) cho 1.084/1.236 trường, trung tâm (đạt 87,70%); công nhận đạt chuẩn quốc gia cho 1.071/1.218 trường mầm non, phổ thông (đạt 87,93%). Cụ thể:

- Trường mầm non: công nhận đạt KĐCLGD 423/498 trường (đạt 84,93%), công nhận đạt chuẩn quốc gia 413/498 trường (đạt 82,93 %).
- Trường tiểu học: công nhận đạt KĐCLGD 191/197 trường (đạt 96,95%), công nhận đạt chuẩn quốc gia 193/197 trường (đạt 97,96%).
- Trường THCS: công nhận đạt KĐCLGD 179/187 trường (đạt 95,72%), công nhận đạt chuẩn quốc gia 179/187 trường (đạt 95,72 %).
- Trường THPT: công nhận đạt KĐCLGD 60/81 trường (đạt 74,07 %), công nhận đạt chuẩn quốc gia 60/81 trường (đạt 74,07%).
- Trường TH và THCS: công nhận đạt KĐCLGD 225/255 trường (đạt 88,23%), công nhận đạt chuẩn quốc gia 226/255 trường (đạt 88,62%).
- Trung tâm GDTX, trung tâm GDNH-GDTX: công nhận đạt KĐCLGD 06/18 trung tâm (đạt 33,33%).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh từng bước được quy hoạch, rà soát và phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống trường, lớp được phân bố rộng khắp, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và mục tiêu xây dựng xã hội học tập suốt đời.

Các địa phương đã tích cực triển khai rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp; thực hiện đồng bộ việc dồn điểm trường mầm non, giảm điểm trường lẻ ở cấp tiểu học. Việc sáp nhập các cơ sở giáo dục công lập có quy mô nhỏ trên cùng một địa bàn hành chính đã góp phần giảm đầu mối tổ chức, tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Sau sắp xếp, quy mô trường lớp đối với các cấp mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đã từng bước bảo đảm phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ nhà giáo, nhân viên và tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất trọng điểm của địa phương.

Công tác sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đã góp phần duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục và phát huy các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục. Kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục trung học cơ sở tiếp tục được giữ vững; chất lượng giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông từng bước được nâng lên; công tác quản trị nhà trường có chuyển biến tích cực, từng bước đi vào nề nếp, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Công tác xã hội hóa giáo dục được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, đạt nhiều chuyển biến tích cực, từng bước huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực hợp pháp trong xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được tăng cường theo hướng đồng bộ; công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được chú trọng triển khai thực hiện.

2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

a) Về quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục

- Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và số lượng nhóm, lớp hiện nay chưa thực sự phù hợp, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng dạy học và triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Sau sáp nhập đơn vị hành chính, một số địa phương có nhiều trường mầm non hoặc trường tiểu học hoặc trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở công lập trên cùng địa bàn. Bên cạnh đó, một số cơ sở giáo dục có quy mô lớp học thấp hơn mức tối thiểu gây khó khăn trong công tác quản lý và tổ chức nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học.

- Mạng lưới cơ sở giáo dục tại một số phường trung tâm và các địa bàn có khu, cụm công nghiệp phát sinh những yếu tố gây ảnh hưởng bất lợi đến việc nâng cao chất lượng giáo dục. Quá trình đô thị hóa, gia tăng dân số cơ học và tốc độ phát triển nhanh của các khu, cụm công nghiệp dẫn đến số lượng trẻ em, học sinh tăng nhanh; bình quân số trẻ/nhóm, lớp và số học sinh/lớp tại nhiều trường tăng cao, vượt quy mô so với khả năng đáp ứng của cơ sở giáo dục.

- Chủ trương phát triển và mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ngoài công lập từ cấp mầm non đến trung học cơ sở chưa đạt mục tiêu đề ra. Số lượng cơ sở giáo dục mầm non tư thục và tỷ lệ trẻ theo học còn thấp so với yêu cầu; hệ thống trường tiểu học, trung học cơ sở ngoài công lập chưa phát triển theo định hướng quy hoạch; quy mô và chất lượng giáo dục tại một số trường trung học phổ thông ngoài công lập chưa đồng đều, thiếu tính ổn định.

- Sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, một số địa phương còn tồn tại nhiều trường tiểu học và trung học cơ sở. Mô hình trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở bộc lộ nhiều bất cập như: đặc thù tổ chức dạy học và hoạt động giáo dục hai cấp học có nhiều khác nhau về thời lượng tiết học (tiểu học 35

phút/tiết, THCS 45 phút/tiết); thời gian giải lao giữa các tiết học; các trường Tiểu học tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, trong khi các trường THCS thực hiện theo điều kiện thực tế và lộ trình; vẫn chưa khắc phục được tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ; việc sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học dùng chung hiệu quả chưa cao. Sự khác biệt về tâm sinh lý lứa tuổi, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh giữa hai cấp học gây khó khăn trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục chung ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

b) Về các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

- Về cơ sở vật chất

+ Hệ thống cơ sở vật chất tại một số cơ sở giáo dục chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Nhiều cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông hiện chưa bảo đảm diện tích đất/trẻ em, học sinh theo quy định, dẫn đến không đủ điều kiện công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Thực trạng này xuất phát từ hai nghịch lý: tại khu vực đô thị, thành phố, quỹ đất hạn chế khiến các trường không có điều kiện mở rộng quy mô; trong khi đó, tại một số địa bàn có quỹ đất tương đối lớn, diện tích sử dụng thực tế của nhà trường (đặc biệt là cấp trung học phổ thông) vẫn chưa được quy hoạch, khai thác hiệu quả để đáp ứng yêu cầu.

+ Tình trạng thiếu phòng học, thiếu diện tích đất ảnh hưởng đến việc huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ tại một số cơ sở giáo dục mầm non; nhiều trường tiểu học tại khu vực trung tâm có số học sinh/lớp vượt quy định; ở tất cả các cấp học vẫn còn tồn tại phòng học bán kiên cố.

+ Hệ thống phòng học, phòng học bộ môn tại các cơ sở giáo dục còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định; bình quân số phòng học và phòng học bộ môn chưa đạt chuẩn. Bên cạnh đó, một số phòng học bộ môn hiện có chưa bảo đảm về diện tích, trang thiết bị và thiết kế theo quy định. Khối phòng hỗ trợ học tập, hành chính quản trị tại nhiều cơ sở giáo dục còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn thiết kế.

+ Nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay. Hệ thống trang thiết bị dạy học tại một số cơ sở giáo dục vẫn thiếu tính đồng bộ, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng như các quy định chuẩn hóa của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

+ So với yêu cầu theo định mức, toàn ngành vẫn còn thiếu giáo viên, đặc biệt là ở cấp học mầm non; tỷ lệ giáo viên/lớp ở cấp mầm non còn thấp, một số địa phương chưa bảo đảm tỷ lệ giáo viên/lớp ở cấp tiểu học theo quy định.

+ Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ giữa các địa phương, cấp học và môn học vẫn còn tồn tại. Việc thực hiện tinh giản biên chế cơ học đối với các cơ sở giáo dục gây khó khăn trong công tác sử dụng, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Việc phân bổ kinh phí theo số biên chế hiện có

gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục còn thiếu biên chế, đặc biệt tại các địa bàn vùng xa trung tâm, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn.

+ Nhiều cơ sở giáo dục còn thiếu nhân viên tại các vị trí hỗ trợ như thư viện, thiết bị, y tế học đường và các vị trí phục vụ khác. Chế độ, chính sách phụ cấp đối với cán bộ quản lý, nhân viên tại các trường phổ thông có nhiều cấp học hiện chưa thực sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Về công tác quản lý, chỉ đạo:

+ Công tác xây dựng kế hoạch, dự báo phát triển giáo dục ở một số địa phương còn hạn chế, chưa đánh giá đầy đủ tình trạng biến động và dịch chuyển dân cư.

+ Chưa có cơ chế hiệu quả nhằm hỗ trợ nâng cao và bảo đảm chất lượng giáo dục đồng đều giữa các loại hình giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa khu vực trung tâm với khu vực khó khăn, xa trung tâm.

+ Tính chủ động, sáng tạo và tinh thần tự chịu trách nhiệm của một bộ phận cán bộ quản lý cơ sở giáo dục còn hạn chế. Công tác xã hội hóa giáo dục tại một số địa phương, đơn vị chưa đạt hiệu quả cao.

+ Mặc dù ngân sách đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo luôn được chú trọng tăng cường hằng năm, song tỷ trọng chi thường xuyên cho lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương chiếm tỷ lệ lớn; hiện chưa có cơ chế phù hợp để bố trí kinh phí cho giáo viên hợp đồng; nguồn lực dành cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất còn hạn chế. Hệ thống các trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục mũi nhọn chưa được quan tâm đầu tư tương xứng với yêu cầu phát triển.

3. Nguyên nhân

- Việc tổ chức lại các cơ sở giáo dục, tinh gọn bộ máy và triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai trong bối cảnh còn nhiều điều kiện hạn chế.

- Công tác tham mưu, quản lý chỉ đạo của một số đơn vị còn bộc lộ những bất cập: chưa kịp thời, chưa kiên trì, quyết liệt, chưa hiệu quả.

- Công tác liên kết, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh và huy động nguồn lực phát triển trường lớp tại một số thời điểm chưa đạt hiệu quả cao.

- Nguồn lực kinh tế của địa phương dành cho giáo dục mặc dù đã được ưu tiên nhưng chưa tương xứng với quy mô đổi mới theo kỳ vọng. Công tác xã hội hoá giáo dục còn hạn chế.

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG,
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; chuyên trọng tâm từ giảm đầu mỗi cơ học sang tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp cơ sở giáo dục với tinh gọn đầu mỗi quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, “giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy”;

Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, bảo đảm mục tiêu đến năm 2030 đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3, 4 tuổi; có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông hoặc tương đương theo Nghị quyết 71-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn xã, phường phải đảm bảo tối thiểu 01 cơ sở giáo dục mầm non, 01 cơ sở giáo dục phổ thông cung ứng đủ cấp tiểu học, trung học cơ sở, bảo đảm linh hoạt, theo lộ trình, phù hợp với tình hình thực tế địa phương nhằm thực hiện mục tiêu giảm tối thiểu 30% đầu mỗi, nơi có điều kiện thuận lợi giảm khoảng 50% đầu mỗi so với thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025. Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục có quy mô lớn.

- Đến ngày 30/8/2026, hoàn thành toàn diện việc sắp xếp, tinh gọn các đầu mỗi quản lý hành chính; ổn định công tác quản trị, tài chính, tài sản công; bảo đảm toàn hệ thống vận hành đồng bộ, thông suốt và không gây bất cứ ảnh hưởng nào đến hoạt động chuyên môn dạy và học tại các điểm trường.

II. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã phải phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển; lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt, bền vững; không thực hiện sắp xếp một cách cơ học chỉ nhằm giảm đầu mỗi; tuyệt đối không để học sinh do hoàn cảnh khó khăn mà không được đến trường;

2. Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục - đào tạo.

3. Lấy người học làm trung tâm. Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí; tuyệt đối không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục.

4. Gắn sắp xếp mạng lưới với đổi mới quản trị nhà trường và tinh gọn đầu mối quản lý; sử dụng hiệu quả đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình của địa phương và cơ sở giáo dục.

5. Hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh. Tổ chức thực hiện linh hoạt, khoa học, phù hợp với thực tiễn bảo đảm thuận lợi cho người dạy, người học, người quản lý.

6. Việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã phải gắn với bảo đảm các điều kiện chuẩn bị thật tốt cho khai giảng năm học mới 2026 - 2027, đúng tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

7. Bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục.

8. Thông tin, dữ liệu để sắp xếp được căn cứ vào Quy mô trường, lớp, học sinh tại cơ sở dữ liệu ngành giáo dục năm học 2025-2026 và Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2026-2027 do UBND xã, phường phê duyệt và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo.

III. TIÊU CHÍ SẮP XẾP

1. Đối với trường do UBND cấp xã quản lý

Thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông để hình thành các cơ sở giáo dục có cùng cấp học có quy mô lớn, theo mô hình gồm 01 trường chính có các điểm trường⁵. Cụ thể:

⁵ Sau khi sắp xếp:

- Đối với trường mầm non được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ hai hoặc nhiều trường mầm non thì mỗi trường mầm non trước khi sáp nhập được xác định là một điểm trường (không tính số lượng điểm trường hiện có trong nội bộ của từng trường);

- Đối với trường tiểu học được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ hai hoặc nhiều trường tiểu học thì mỗi trường tiểu học trước khi sáp nhập được xác định là một điểm trường (không tính số lượng điểm trường hiện có trong nội bộ của từng trường);

- Đối với trường THCS được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ hai hoặc nhiều trường THCS thì mỗi trường THCS trước khi sáp nhập được xác định là một điểm trường (không tính số lượng điểm trường hiện có trong nội bộ của từng trường);

- Đối với trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở được tách thành trường tiểu học và trường trung học cơ sở để tổ chức lại theo mô hình trường cùng cấp học thì được xác định gồm 02 điểm trường, trong đó 01 điểm trường tiểu học và 01 điểm trường trung học cơ sở;

- Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được sáp nhập, việc xác định số lượng điểm trường được tính theo số lượng trung tâm trước thời điểm thực hiện sắp xếp, sáp nhập theo mô hình hiện nay

- Sắp xếp đối với các trường mầm non có quy mô từ 30 lớp trở xuống; trường tiểu học có quy mô từ 40 lớp trở xuống; trường THCS có quy mô từ 45 lớp trở xuống. Khuyến khích các địa phương thành lập các trường mầm non, phổ thông có quy mô lớn để hướng tới mỗi địa phương có 01 trường cho mỗi cấp học.

- Cơ cấu nhân sự gồm: 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, 01 bộ phận hành chính - nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù; các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về quy mô nhóm, lớp, trẻ em, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi điểm trường có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để bảo đảm chất lượng giáo dục.

- Không sáp nhập trường mầm non với trường phổ thông; không sáp nhập trường phổ thông với trung tâm GDNN-GDTX; không sắp xếp cơ sở giáo dục chuyên biệt với các trường phổ thông đại trà. Không duy trì các trường THCS theo mô hình trường chất lượng cao hoặc trọng điểm.

2. Đối với trường trung cấp nghề, trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX

- Duy trì các trường trung cấp nghề tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên;
- Giữ ổn định các trường THPT hiện có;
- Tổ chức lại trường THCS, THPT Hoàng Hoa Thám thành trường một cấp THPT;
- Sắp xếp, sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX có quy mô từ 17 lớp trở xuống làm cơ sở cho việc thành lập trường trung học nghề theo quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Trường Trung cấp nghề, Trường THPT, Trung tâm GDNN-GDTX

1.1. Trường trung cấp nghề

- Giữ nguyên Trường Trung cấp Giao thông vận tải Hưng Yên;
- Tổ chức lại Trường Trung cấp cho Người khuyết tật Thái Bình thành Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; chuyển chức năng dạy nghề ở trình độ trung cấp, sơ cấp và bàn giao nguyên trạng về Trường Cao đẳng Hưng Yên.

1.2. Trường THPT

Giữ nguyên 54 Trường THPT⁶ hiện có; tổ chức lại Trường THCS và THPT Hoàng Hoa Thám (tách cấp THCS ra khỏi Trường THCS và THPT Hoàng Hoa Thám đưa về trường THCS thuộc UBND xã Tiên Lữ quản lý).

(trước ngày 01/7/2025); mỗi trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trước thời điểm 01/7/2025 được xác định là 01 điểm trường.

1.3. Trung tâm GDNN-GDTX

- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Ân Thi với Trung tâm GDNN-GDTX Yên Mỹ.
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Kim Động với Trung tâm GDNN-GDTX Khoái Châu.
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Văn Lâm với Trung tâm GDNN-GDTX Văn Giang.
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Kiến Xương với Trung tâm GDNN-GDTX Tiền Hải.
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Vũ Thư với Trung tâm GDNN-GDTX Thái Bình.
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Phù Cù với Trung tâm GDNN-GDTX Tiên Lữ và Trung tâm GDNN-GDTX Hưng Yên.
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Hưng Hà với Trung tâm GDNN-GDTX Quỳnh Phụ;

1.4. Trường chuyên biệt

Giữ nguyên Trường Giáo dục Chuyên biệt Hưng Yên.

3. Đối với trường thuộc UBND cấp xã quản lý

Sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn để hình thành các trường đồng cấp theo tiêu chí trên, khuyến khích các địa phương hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô lớn đồng thời có xem xét phương án phù hợp đối với một số đơn vị đặc thù (nếu có).

4. Kết quả sau rà soát, sắp xếp

4.1. Về mạng lưới cơ sở giáo dục

Sau khi thực hiện sắp xếp số lượng đầu mỗi cơ sở giáo dục còn 460 cơ sở, giảm 703 cơ sở giáo dục (tỉ lệ giảm 60,4%), cụ thể:

- Trường mầm non: 142 trường (giảm 304 trường, tỉ lệ giảm 68,2%);
- Trường Tiểu học: 140 trường (giảm 57 trường, tỉ lệ giảm 28,9%);
- Trường THCS: 111 trường (giảm 76 trường, tỉ lệ giảm 40,6 %);
- Trường liên cấp Tiểu học và THCS: giảm 254 trường, tỉ lệ giảm 100%;
- Trung tâm GDNN-GDTX: 10 trung tâm (giảm 10 trung tâm, tỉ lệ giảm 50 %);
- Trường THPT: 54 trường;
- Trường Trung cấp: 01 trường (giảm 2 trường, tỉ lệ giảm 66,7 %);
- Trung tâm giáo dục hòa nhập: 01 trung tâm (tăng 01 trung tâm);

⁶ Đối với trường TH,THCS, THPT Quách Đình Bảo; Trường Mầm non Hoa Hồng thuộc Trường CDSP Thái Bình; Trường TH và THCS Hưng Yên thuộc Trường Cao Đẳng Cộng đồng Hưng Yên thực hiện sắp xếp theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh.

- Trường giáo dục chuyên biệt: 01 trường (giảm 01 trường);
(Chi tiết tại phụ lục II, Phụ lục III kèm theo)

4.2. Về cán bộ quản lý, nhân viên

a) Nguyên tắc

- Việc bố trí cán bộ quản lý, nhân viên tại các cơ sở giáo dục được thành lập sau sắp xếp, sáp nhập được thực hiện trên cơ sở quy định hiện hành, bảo đảm duy trì hoạt động ổn định của nhà trường, đáp ứng yêu cầu quản lý, phục vụ hoạt động dạy học, đồng thời không làm tăng số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Đối với các trường không thực hiện sắp xếp, sáp nhập, việc bố trí cán bộ quản lý, nhân viên tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành.

b) Định mức bố trí cán bộ quản lý tại các đơn vị sáp nhập

- Các trường mầm non, phổ thông:

+ Tại trường chính bố trí 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng;

+ Tại mỗi điểm trường còn lại bố trí 01 Phó Hiệu trưởng.

- Các Trung tâm GDNN-GDTX:

+ Tại cơ sở chính bố trí 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc;

+ Tại mỗi cơ sở còn lại bố trí 01 Phó Giám đốc.

c) Định mức bố trí nhân viên tại các đơn vị sáp nhập

- Trường Mầm non

Bố trí 02 biên chế, gồm 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm kế toán, 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm văn thư kiêm thủ quỹ; vị trí việc làm thư viện do viên chức, nhân viên trong trường thực hiện kiêm nhiệm theo phân công của Hiệu trưởng.

- Trường Tiểu học

+ Tại trường chính bố trí 03 biên chế, gồm 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm kế toán, 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm văn thư kiêm thủ quỹ, 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm thư viện.

+ Tại mỗi điểm trường bố trí 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm thư viện.

Ngoài nhiệm vụ chuyên môn theo vị trí việc làm được giao, nhân viên thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu hoạt động của nhà trường.

- Trường Trung học cơ sở

+ Tại trường chính bố trí 03 biên chế, gồm: 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm kế toán, 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm văn thư kiêm thủ quỹ, 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm thư viện kiêm vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm.

+ Tại mỗi điểm trường bố trí 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm thư viện kiêm vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm.

Ngoài nhiệm vụ chuyên môn theo vị trí việc làm được giao, nhân viên thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu hoạt động của nhà trường.

- Trung tâm GDNN-GDTX

+ Tại cơ sở chính bố trí 03 biên chế, gồm 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm kế toán, 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm văn thư kiêm thủ quỹ, 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm thư viện kiêm vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm.

+ Tại mỗi cơ sở còn lại bố trí 01 biên chế đảm nhiệm vị trí việc làm thư viện kiêm vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm.

Ngoài nhiệm vụ chuyên môn theo vị trí việc làm được giao, nhân viên thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu hoạt động của nhà trường.

*Phương án bố trí biên chế nêu trên là giải pháp trước mắt nhằm giải quyết số lượng viên chức dôi dư tại các vị trí việc làm chuyên môn dùng chung, đồng thời bảo đảm hoạt động của các trường sau sắp xếp, sáp nhập. Trong thời gian thực hiện phương án này, trường hợp viên chức đảm nhiệm các vị trí việc làm chuyên môn dùng chung nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác thì không thực hiện tuyển dụng mới hoặc bố trí thay thế vào các vị trí này; việc sắp xếp, phân công nhiệm vụ tiếp tục được thực hiện trên cơ sở sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có cho đến khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định mới về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập. Khi có quy định mới, việc bố trí biên chế tại các vị trí việc làm này chung thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

d) Kết quả bố trí dự kiến và số lượng dôi dư

- Số biên chế dự kiến bố trí

+ Số cán bộ quản lý dự kiến bố trí là 1.761 người;

+ Số nhân viên dự kiến bố trí là 1.781 người.

- Số biên chế dôi dư

+ Biên chế cán bộ quản lý dôi dư 1.065 người;

+ Biên chế nhân viên dôi dư là 06 người.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề

nghiệp (trừ các trường cao đẳng) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Kế hoạch triển khai thực hiện (*hoàn thành trước ngày 05/8/2026*).

- UBND cấp xã xây dựng, phê duyệt Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc UBND cấp xã quản lý (*hoàn thành trước ngày 10/8/2026*);

- Triển khai đồng bộ công tác sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trừ các trường cao đẳng) trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành sáp nhập các đơn vị, thiết lập mạng lưới trường lớp phù hợp với địa bàn, quy mô dân số; hoàn thiện bộ máy tổ chức để vận hành ngay từ đầu năm học 2026 - 2027 (*hoàn thành trước ngày 30/8/2026*).

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ SẮP XẾP CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Phương án sử dụng cơ sở vật chất sau sắp xếp

- Tăng cường đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, quản trị, điều hành nhà trường trên nền tảng số dùng chung để tạo sự đồng bộ, giảm tối đa sự chênh lệch về điều kiện cơ sở vật chất giữa các trường, điểm trường, các khu vực trong tỉnh.

- Thực hiện khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có; tiếp tục rà soát đầu tư sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập các cơ sở giáo dục để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Việc sắp xếp, điều chỉnh học sinh giữa các điểm trường được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm điều kiện học tập, đi lại của học sinh và yêu cầu tổ chức dạy học theo quy định; chỉ thực hiện dồn điểm trường, dồn học sinh khi bảo đảm đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ, an toàn trường học và phù hợp tình hình thực tiễn địa phương.

- Việc quản lý, sử dụng, bàn giao, tiếp nhận, điều chuyển hoặc xử lý cơ sở vật chất, tài sản sau sắp xếp thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định có liên quan.

- Đối với các trường thực hiện sáp nhập: căn cứ hiện trạng cơ sở vật chất, điều kiện tổ chức dạy học và vị trí địa lý để lựa chọn cơ sở phù hợp làm trường chính; các cơ sở còn lại tiếp tục được sử dụng làm điểm trường hoặc bố trí phục vụ các hoạt động giáo dục phù hợp nhằm bảo đảm ổn định việc học tập của học sinh.

- Đối với các cơ sở giáo dục, điểm trường không còn nhu cầu sử dụng cho hoạt động giáo dục, UBND cấp xã xây dựng phương án quản lý, sử dụng, điều chuyển hoặc xử lý theo quy định; ưu tiên sử dụng phục vụ các mục tiêu giáo dục, văn hóa, sinh hoạt cộng đồng và các nhu cầu công ích của địa phương.

2. Phương án sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

2.1. Sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý, nhân viên

Các địa phương, đơn vị căn cứ các quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền thực hiện việc bố trí các bộ quản lý, nhân viên, trong các cơ sở giáo dục sau sắp xếp theo hướng:

- Đối với cán bộ quản lý:

Bố trí làm cấp trưởng hoặc cấp phó phụ trách một điểm trường hoặc bố trí làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã (nếu còn chỉ tiêu biên chế) hoặc làm giáo viên trực tiếp giảng dạy. Đối với cán bộ quản lý dôi dư có nguyện vọng nghỉ chế độ thì xem xét giải quyết theo quy định.

- Đối với nhân viên (kế toán, thủ quỹ, văn thư, nhân viên thư viện, thiết bị):

+ Bố trí công việc theo đề án vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, trình độ chuyên môn và năng lực công tác theo chỉ tiêu biên chế được giao;

+ Chuyển đổi vị trí việc làm sang các vị trí công tác khác tại địa phương nếu có nhu cầu và còn chỉ tiêu biên chế;

+ Bố trí làm giáo viên trực tiếp giảng dạy nếu đáp ứng yêu cầu chuyên môn;

+ Trường hợp không thể bố trí được vị trí việc làm phù hợp và bản thân có nguyện vọng thì giải quyết chế độ nghỉ thôi việc hoặc tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

Thực hiện việc điều động, bố trí cán bộ quản lý, nhân viên dôi dư sau sắp xếp từ địa phương này sang địa phương khác để giải quyết cán bộ dôi dư trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được giao.

2.2. Giải quyết chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên dôi dư

- Thực hiện chế độ bảo lưu phụ cấp đối với cán bộ đang giữ chức vụ bố trí vào vị trí chức vụ thấp hơn hoặc không tiếp tục giữ chức vụ theo quy định.

- Đối với trường hợp đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;

- Đối với trường hợp nghỉ thôi việc: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;

c) Đảm bảo và điều tiết hợp lý đội ngũ giáo viên

- Tiếp nhận nguyên trạng đội ngũ giáo viên các cơ sở giáo dục sau sắp xếp;

- Thực hiện rà soát điều động, chuyển chuyển, biệt phái để bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên giáo viên dạy giữa các cơ sở giáo dục, các điểm trường khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ trên cùng địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch báo cáo cấp có thẩm quyền bồi dưỡng cập nhật kiến thức, hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh nhà giáo đáp ứng yêu cầu mới.

Thực hiện việc điều động, chuyển chuyển giáo viên từ địa phương này sang địa phương khác để giải quyết tình trạng thừa thiếu giáo viên trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được giao.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Phương án, Kế hoạch sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại các địa phương và cơ sở giáo dục theo đúng quy định.
- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục sau sắp xếp tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục; bảo đảm hoạt động dạy học ổn định, liên tục, không làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và quyền học tập của học sinh.
- Phối hợp với Sở Nội vụ và UBND cấp xã tham mưu bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với vị trí việc làm, định mức theo quy định và yêu cầu thực tiễn sau sắp xếp.
- Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp các Trung tâm GDNN-GDTX theo Phương án; Đề án tổ chức lại Trường Trung cấp cho người khuyết tật Thái Bình và tổ chức thực hiện.
- Chủ trì theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện công tác tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị ảnh hưởng do sắp xếp, sáp nhập.
- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn UBND cấp xã triển khai phương án sắp xếp cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định.
- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ tại các địa phương và cơ sở giáo dục sau sắp xếp.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.
- Tham mưu bố trí nguồn lực để sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ các cơ sở giáo dục thực hiện sắp xếp, sáp nhập.

- Chủ trì hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã quản lý, sử dụng, xử lý tài chính, tài sản công, cơ sở vật chất dôi dư sau sắp xếp theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp xã tham mưu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương; bố trí nguồn lực để giải quyết chính sách cho cán bộ quản lý, nhân viên ảnh hưởng do sắp xếp, sáp nhập.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, điều chuyển hoặc xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp, sáp nhập theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn UBND cấp xã rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch điểm dân cư phù hợp với phương án sắp xếp cơ sở giáo dục trên địa bàn.

- Hướng dẫn UBND cấp xã và các cơ sở giáo dục thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mở rộng, nâng cấp, phá dỡ công trình xây dựng khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục.

- Hướng dẫn việc quản lý chất lượng, nghiệm thu, bảo trì công trình xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND cấp xã rà soát, tham mưu phương án sử dụng đất đối với các cơ sở giáo dục bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Hướng dẫn, tham mưu bảo đảm quỹ đất xây dựng trường, lớp học theo yêu cầu phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục sau sắp xếp; thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, điều chuyển hoặc xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp, sáp nhập theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Các sở, ban, ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành liên quan chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án;

7. UBND cấp xã

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động, đối thoại nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, giáo viên, cha mẹ học sinh và nhân dân về sự cần thiết của việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục.

- Căn cứ Phương án tổng thể, Kế hoạch tổ chức thực hiện và tình hình thực tế tại địa phương xây dựng Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn theo đúng quan điểm, mục tiêu, tiêu chí sắp xếp, bảo đảm quyền học tập của học sinh, bố trí sắp xếp phù hợp đối với đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên dôi dư... và tổ chức thực hiện đúng tiến độ.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục duy trì ổn định hoạt động dạy học; bảo đảm an ninh, an toàn trường học; không để gián đoạn hoạt động giáo dục trong quá trình thực hiện sắp xếp, sáp nhập.

- Chủ động bố trí kinh phí theo phân cấp; đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học phục vụ các cơ sở giáo dục sau sắp xếp; xây dựng quy hoạch, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại gắn với chuyển đổi số tại trường chính ở vị trí trung tâm đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho việc điều hành các hoạt động của nhà trường; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho phát triển giáo dục và thực hiện hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục.

- Xây dựng phương án tổng thể và phương án chi tiết đối với cơ sở vật chất, tài sản công dôi dư sau sắp xếp theo từng cơ sở giáo dục, từng hạng mục công trình; xác định rõ hiện trạng, mục đích sử dụng, đơn vị quản lý, lộ trình bàn giao, tiếp nhận, điều chuyển, xử lý theo đúng quy định; gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp theo quy định.

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ về tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Đề án và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

8. Các cơ sở giáo dục, đào tạo

- Chủ động kiểm kê, rà soát, đánh giá thực trạng quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu phục vụ xây dựng và triển khai đề án sắp xếp, sáp nhập.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý giáo dục và chính quyền địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về mục đích, yêu cầu, lộ trình thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập cơ sở giáo dục; tạo sự thống nhất, đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ động xây dựng phương án tổ chức dạy học, bố trí lớp học, phân công đội ngũ phù hợp sau sắp xếp; bảo đảm hoạt động giáo dục diễn ra liên tục, ổn định, an toàn, hiệu quả; không làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và quyền học tập của học sinh.

- Thực hiện việc quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và các nguồn lực hiện có; đề xuất nhu cầu sửa chữa, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục sau sắp xếp.

- Thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự và các nội dung có liên quan khi thực hiện sáp nhập, giải thể theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch, chặt chẽ, không để thất thoát tài sản nhà nước.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân đồng thuận, ủng hộ việc triển khai thực hiện Đề án; tham gia giám sát việc thực hiện tại địa phương và cơ sở giáo dục.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và kết quả thực hiện Đề án; kịp thời phản ánh các mô hình tốt, cách làm hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện./.